

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 16 – 01 – 2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Lựu
2. Ông Huỳnh Văn Đường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX - ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985

* Bị đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm: 1987

HKTT: Thôn Thành Phú, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Hiện tạm trú: Khu phố 4, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, vào ngày 08/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh C sử dụng ma túy nhiều lần đánh

đập chị L và các con, hai vợ chồng cãi vã thường xuyên, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi. Chị nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có ba con chung tên Phan Thùy T, sinh ngày 10/01/2011; Phan Thị Kim C1, sinh ngày 07/6/2014 và Phan Văn H, sinh ngày 12/11/2015. Hiện ba con chung đang sống cùng chị L, chị vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng tốt đối với các con nên khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung ; không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn C trình bày:

Anh và chị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 08/3/2010. Trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, trước yêu cầu ly hôn của chị L anh không đồng ý, vì anh vẫn còn yêu thương vợ con.

Về con chung: Anh và chị L có ba con chung tên Phan Thùy T, sinh ngày 10/01/2011; Phan Thị Kim C1, sinh ngày 07/6/2014 và Phan Văn H, sinh ngày 12/11/2015. Nay ly hôn anh có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phan Văn H

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phan Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2010, quyển số 01/2007. Do vậy, hôn nhân giữa chị L và anh C là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, chị L và anh C thừa nhận trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần để hòa giải đoàn tụ với chị L nhưng anh C vẫn không lên Tòa làm việc, điều này chứng tỏ anh C không có thiện chí muốn hòa giải, xây dựng gia đình hạnh phúc với chị L. Từ những điều trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sống ly thân cháu Phan Thùy T, sinh ngày 10/01/2011; Phan Thị Kim C1, sinh ngày 07/6/2014 và Phan Văn H, sinh ngày 12/11/2015 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng nhưng vẫn được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Đồng thời, các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc chị L được trực tiếp nuôi ba con chung.

Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Thùy T, sinh ngày 10/01/2011; Phan Thị Kim C1, sinh ngày 07/6/2014 và Phan Văn H, sinh ngày 12/11/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu T, C1, H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh C không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu số 0008306 ngày 13/10/2022 của C1 cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, Hà

Tỉnh;

(số 17, ngày 08/3/2010)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Tịnh

